

Bản án số: 316/2018/HS-PT
Ngày: 11-10-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Với thành phần HĐXX phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bằng.

Các thẩm phán: Bà Lê Thị Tùng

Bà Trần Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 11/10/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 272/2018/HSPT ngày 20/8/2018 đối với bị cáo Trần Thế A về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HSST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo có kháng cáo: Trần Thế A.** Sinh ngày: 08/02/1990, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi đăng ký HKTT: Thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Thôn 2, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông: Trần Văn P, sinh năm 1955 và bà Đậu Thị Minh S, sinh năm 1962; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

- Tại Bản án số 06/2008/HSST ngày 21/01/2008 Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Bản án số 253/2009/HSST ngày 23/7/2009 Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Tại Bản án số 263/2010/HSST ngày 29/10/2010 Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”. (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2017 đến nay, hiện bị tạm giam.
Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Các bị cáo được triệu tập đến phiên tòa vì có liên quan đến kháng cáo:

1. Họ và tên: Lê Tiến N. Sinh ngày: 30/11/1989, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi đăng ký HKTT: Thôn 15, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở: Buôn P, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 7/12; con ông Lê Tiến X, sinh năm 1962 và con bà Trần Thị H1, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 03 tiền án:

- Tại Bản án số 06/2008/HSST ngày 21/01/2008 của Tòa án nhân dân huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Bản án số 64/2011/HSST ngày 02/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Bản án số 453/2012/HSPT ngày 20/12/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, tổng hợp hình phạt 02 năm tù tại Bản án số 64/2011/HSST ngày 02/8/2011 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long buộc phải chấp hành chung là 03 năm 03 tháng tù.

- Tại Bản án số 49/2014/HSST ngày 26/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội: “*Đánh bạc*” (chưa được xóa án tích).

Nhân thân: Tại Quyết định tổng hợp nhiều hình phạt số: 01/2018/QĐ-THHP ngày 06/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông đối với bản án số 27, 28/2018/HS-ST cùng ngày 31/5/2018: tổng hợp hình phạt bị cáo phải chấp hành là 03 năm 03 tháng tù về tội: “*Bắt người trái pháp luật*” và “*Đánh bạc*”.

Bị cáo hiện đã đi chấp hành án – Vắng mặt.

2. Họ và tên: Nguyễn Văn H. Sinh ngày: 17/4/1989, tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn 7, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1963; Vợ là Đinh Thị Thúy H2, sinh năm 1993 và có 01 con sinh năm 2017; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án:

- Tại Bản án số 01/2012/HSST ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Tại Bản án số 07/2012/HSST ngày 21/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại Bản án số 01/2012/HSST ngày 12/01/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin buộc phải chấp hành chung là 02 năm 06 tháng tù.

- Tại Bản án số 02/2014/HSST ngày 21/02/2014 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chưa được xóa án tích).

Bị cáo hiện đã đi chấp hành án – Vắng mặt.

3. Họ và tên: Trần Văn Đ. Sinh ngày: 23/7/1985, tại tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Thôn 14, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Con ông: Trần Đình T1 (Trần Văn T1), sinh năm 1956 và bà Trần Thị T2, sinh năm 1960; Vợ là Nguyễn Thị H3, sinh năm 1984 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2006 nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đã đi chấp hành án – Vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

Bà Lê Thị L, sinh năm 1983, chức vụ: Thủ quỹ UBND xã E.

Nơi cư trú: Thôn 17, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 5/2017, Nguyễn Văn H và Trần Văn Đ đến phòng trọ của Trần Thế A ở thôn 2, xã H, thành phố B chơi, khi đến nơi thì gặp Thế A và Lê Tiến N đang ở đây. Trong lúc nói chuyện H than thở không có tiền, muốn tìm gì đó làm kiếm tiền (*ý là đi trộm cắp*) thì Đ kể trước đây Đ từng làm Công an viên thường trực tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã E, huyện C nên biết được quy luật là vào ngày mùng 08 dương lịch hàng tháng, UBND xã sẽ đi rút tiền về để chi cho các thôn buôn và cán bộ không chuyên trách, số tiền rút về khoảng vài trăm triệu đồng được để trong két sắt trên tầng 2 của trụ sở UBND xã và tối sẽ không có người trông coi nên rất dễ trộm cắp; nghe vậy H nói “*chỗ này làm được*”, Đ nói thêm nếu trộm cắp được thì chia cho Đ vì Đ cũng đang thiếu tiền thì H đồng ý.

Trưa ngày 08/5/2017, H gọi điện thoại cho N nhờ N về nhà H ở thôn 7, xã E dọn quán. Lúc này N đang đi chơi ở thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nên đi ra chợ Đ mua 02 đôi găng tay cao su và 02 cái xà cạy (làm bằng sắt, dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 0,3cm, một đầu cong hình chữ V, một đầu

đet) rồi cất vào trong cốp xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Air Blade, màu đen (xe N mượn của một người bạn tên G, không rõ nhân thân lý lịch và không xác định được biển số) mục đích chuẩn bị cho việc trộm cắp tài sản. Khoảng 21 giờ cùng ngày N đi đến phòng trọ đón Thế A lên quán Bar T ở thành phố B chơi cùng với H.

Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, H, N và Thế A đi về nhà H để hôm sau giúp H dọn nhà; N điều khiển xe mô tô Air Blade chở Thế A còn H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter của H biển số 47T1-147.40. Khi đi qua trụ sở UBND xã E thì N nói với H: *“hôm nay là ngày mừng 08, thử vào UBND xã E xem có tiền không để trộm”* thì H đồng ý. Cả ba điều khiển xe cách UBND xã khoảng 02km để H cất giấu xe mô tô ở khu vực nghĩa địa; lúc này N cũng mở cốp lấy 01 bao xác rắn bên trong có đựng các công cụ đã chuẩn bị từ trước ra, rồi giao xe cho Thế A điều khiển chở cả ba đi đến bờ tường phía sau trụ sở UBND xã. Đến nơi, N và H mỗi người đeo một đôi găng tay cao su, cầm một cái xà cạy, leo qua tường rào vào bên trong khu vực UBND xã còn Thế A chạy xe cách cổng Ủy ban khoảng 02km đứng chờ và canh giới. N đi một vòng quanh Ủy ban xã quan sát thấy không có ai nên cùng với H sử dụng xà cạy phá cửa sổ và song sắt tại phòng kế toán ở tầng 1 của trụ sở Ủy ban, N leo qua cửa sổ vào trong phòng còn H ở ngoài chờ. N sử dụng xà cạy, cạy các cửa tủ trong phòng thì thấy có 01 cái máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS được đựng trong 01 cái túi xách, N lấy túi xách trên và máy tính đưa cho H cầm và leo lại ra ngoài. Cả hai đi vòng ra phía sau lưng trụ sở thì thấy các ô cửa thông gió hình chữ nhật ở sau lưng trụ sở Ủy ban, H trèo lên dùng xà cạy phá chốt trong ô cửa thông gió rồi cùng với N chui vào bên trong trụ sở Ủy ban xã E. N sử dụng điện thoại di động (nhãn hiệu Nokia 106, màn hình trắng đen, bàn phím bấm) bật đèn pin để soi sáng rồi cùng với H đi lên tầng 2, dùng xà cạy phá khóa, mở cửa phòng của Chủ tịch UBND xã (thời điểm này ông Võ Tiến M đang là Chủ tịch) rồi đi vào trong tìm kiếm thì thấy có 01 cái máy tính xách tay nhãn hiệu DELL của ông M, N đưa máy tính xách tay trên cho H bỏ chung vào túi xách cùng với cái máy tính đã chiếm đoạt trước đó.

N đi ra ngoài hành lang tiếp tục dùng xà cạy phá khóa, mở cửa phòng hành chính (đối diện với phòng Chủ tịch UBND), cả hai đi vào trong phòng thì thấy ở góc trái gần cửa ra vào có 01 cái két sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC nên lật két sắt nằm ngửa trên nền phòng rồi dùng xà cạy phá két sắt. Khoảng 25 phút sau, N và H mở được cửa két sắt và lấy toàn bộ số tiền 209.661.000đ trong két sắt bỏ vào trong 01 túi xách màu nâu mà H mang theo. Lấy được tiền, N gọi điện thoại cho Thế A quay lại đón, Thế A điều khiển xe mô tô chở N và H đi đến vị trí H đã cất giấu xe trước đó để H lấy xe, sau đó tất cả đi về phòng trọ của Thế A. Trên đường đi về đến khu vực hồ E thuộc xã E, thành phố B, N ném bao xác rắn bên trong có đựng 02 cái xà cạy, găng tay cao su xuống hồ. Khi về đến phòng trọ, H

lấy toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt được từ trong túi xách ra chia thì thấy có các loại tiền Polime với nhiều mệnh giá khác nhau (lớn nhất là 500.000đ, nhỏ nhất là 10.000đ), cả ba chia nhau tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/5/2017, Đ nghe thông tin UBND xã E bị mất trộm tài sản trong két sắt nên gọi điện thoại và nhắn tin cho H hỏi thăm nhằm mục đích chia tiền trộm cắp được nhưng H không thừa nhận nên Đ không hỏi nữa.

Các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Tiến N và Trần Thế A chỉ thừa nhận tổng số tiền trộm cắp được tại trụ sở UBND xã E là 154.000.000đ, trong đó H và N mỗi người được 57.000.000đ còn Thế A được 40.000.000đ. Sau khi chia tiền, H, N và Thế A đã trích lại số tiền 10.000.000đ, trong đó N và Thế A mỗi người 3.000.000đ, H 4.000.000đ, giao cho H giữ để đưa cho Đ nhưng do sợ Đ sẽ làm lộ hành vi trộm cắp tài sản nên H và N đã tiêu xài hết số tiền 10.000.000đ nói trên. Đối với 02 cái máy tính xách tay, sau khi trộm cắp được N mang đến tỉnh Bình Dương bán cho một người không rõ nhân thân lý lịch được 4.500.000đ, N cũng đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo đơn trình báo của UBND xã E thì tổng số tiền các bị cáo đã lấy trộm trong két sắt ban đầu xác định là 210.117.000đ, sau khi đính chính là 209.661.000đ.

Ngoài hành vi phạm tội nêu trên, các bị cáo N và H còn tham gia thực hiện một vụ trộm cắp tài sản cụ thể như sau:

Vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/10/2017, sau khi H và N cùng ăn cơm tại nhà của H ở thôn 7, xã E xong thì H gọi Vũ Văn H4 nói H4 ra ngoài quán của H gặp N đi có việc thì H4 hiểu là đi ra gặp N để cùng vào nhà bà Dương Thị H5 và ông Phan Văn N2 ở thôn 1B, xã C, huyện C trộm cắp tài sản (vì trước đó H4 đã chỉ cho H nhà bà H5 có tiền). Nghe H nói vậy thì H4 đi ra gặp N, vừa lúc đó H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu đỏ trắng mượn của ông Vũ Ngọc Q1 (không nhớ biển số, xe sau đó đã trả lại cho ông Q1) chở N và H4 đến nhà bà H5. Trước khi đi H chuẩn bị sẵn một cái bao bên trong có 01 cái xà beng, 01 cái xà cạy, 01 cái kìm đưa cho H4 cầm, khi đến nhà bà H5 thì H điều khiển xe đi nơi khác để chờ, còn N và H4 đi lại phía hàng rào, N dùng kìm cắt lưới B40 cả hai đi vào trong tiếp tục dùng xà beng cạy bung cửa sổ và song cửa sổ bằng gỗ rồi chui vào trong nhà lục tìm tài sản, phát hiện có 01 két sắt nhãn hiệu NGOC THI trong phòng ngủ; N và H4 tiếp tục dùng xà beng, xà cạy cạy bung cửa két sắt ra nhưng không lấy được tài sản gì trong két. Cả hai tiếp tục vào các phòng khác để lục tìm tài sản nhưng cũng không chiếm đoạt được tài sản, sau đó N gọi điện thoại cho H đến chở về.

Theo đơn trình báo và lời khai của bà H5 thì tổng tài sản mà gia đình bà đã bị mất vào ngày 13/10/2017 gồm: số tiền 30.000.000đ, 03 cái lắc tay bằng vàng

loại 9999 với tổng trọng lượng là 09 chỉ vàng và yêu cầu Vũ Văn H4 cùng các bị cáo H, N có trách nhiệm bồi thường số tiền và vàng nêu trên.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 02/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm ngày 08/5/2017 thì 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL có giá trị là 3.627.000đ; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS có giá trị là 12.610.000đ; 01 kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC có giá trị là 300.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 03/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 cái kết sắt nhãn hiệu NGỌC THI, kích thước (1x0,58x0,45)m tại thời điểm ngày 13/10/2017 có giá trị là 1.092.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 06/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, số máy G3D4E056002, số khung RLCUG0610FY050693 tại thời điểm ngày 08/5/2017 có giá trị là 42.134.000đ.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 09/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Tại thời điểm ngày 08/5/2017 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 có giá trị là 200.000đ, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-113 có giá trị là 200.000đ. Đối với 01 cái túi xách màu nâu của bị cáo H, Hội đồng định giá tài sản không đủ căn cứ để định giá.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 22/KL-HĐĐG ngày 12/4/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: 01 ô cửa thông gió khung bằng gỗ, kích thước (0,4x0,4)m, bị cạy phá bung bản lề bằng kim loại; 01 ô cửa thông gió khung bằng nhôm, kích thước (2x1,5)m bị cạy phá làm 02 thanh kim loại chống cửa bị đứt rời; 01 khung cửa sổ bằng gỗ, kích thước (0,49x1,43)m bị cạy phá các song sắt cửa sổ, 01 cửa chính bằng gỗ, kích thước (1,2x2,5)m bị cạy phá nứt, bề gỗ kích thước (0,17x0,06)m đã bị các bị cáo cạy làm hư hỏng có giá trị thiệt hại là 495.000đ.

Về vật chứng liên quan đến vụ án, Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 cái kết sắt nhãn hiệu NGỌC THI, kích thước (1x0,58x0,45)m tại nhà bà Dương Thị H5.

- 01 cái kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC, màu xanh lá cây, kích thước (0,43x 0,55x0,63)m tại UBND xã E.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-113, vỏ bọc màu đen, số IMEI 1: 356018085363325, số IMEI 2: 356018085363333, bên trong có 01 sim điện thoại của Trần Thế A.

- 01 mảnh găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (1,6x2,5)cm.

- 01 chiếc găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (16x5)cm.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ trắng, gắn biển số 47B1- 407.79 của Nguyễn Văn H và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 029598, mang tên Vàng Ngọc.

- 01 bao xác rắn màu xanh và 01 cái xà beng bằng kim loại màu đen, dài 87cm, đường kính 2,5cm một đầu dẹt, đầu còn lại được uốn cong tạo thành móc chữ V, thân hình xoắn.

Đối với 01 chiếc túi xách của Nguyễn Văn H, 02 đôi găng tay y tế, 02 xà cạy, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 106 màn hình trắng đen do Lê Tiến N sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter của H biển số 47T1-147.40 do quá trình sử dụng bị cáo đã bán cho người khác nên không thu giữ được.

Đối với chiếc xe mô tô gắn biển số 47B1- 407.79, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 48 ngày 06/02/2018 trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định biển số, số khung, số máy, giấy chứng nhận đăng ký của xe có bị làm giả hay không. Tuy thời hạn điều tra đã hết nhưng Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk chưa có kết luận giám định nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin tách vụ việc liên quan đến xe mô tô trên để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định.

Ngày 02/02/2018 bà Dương Thị H5 và bà Trần Thị H1 (mẹ bị cáo Lê Tiến N), bà Trần Thị Q (mẹ bị cáo Nguyễn Văn H) đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho bà H5 tổng số tiền 3.500.000đ để sửa chữa hàng rào lưới B40 và cửa sổ gỗ bị cạy phá, bà H5 đã nhận tiền và không có ý kiến gì.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin đã quyết định:

Căn cứ Điều 138 BLHS năm 1999, tuyên bố: Các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A, Trần Văn Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Tiến N** 07 (bảy) năm 09 (chín) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS năm 1999 tổng hợp hình phạt 03 năm 03 tháng tù về các tội “Bắt người trái pháp luật” và “Đánh bạc” tại các bản án số: 27/2018/HS-ST và 28/2018/HS-ST cùng ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Theo Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số: 01/2018/QĐ-THHP ngày 06/7/2018). Buộc bị cáo chấp hành chung là **11 (mười một) năm tù**, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 07/11/2017, được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 08/7/2016.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Trần Thế A** 07 (bảy) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2017.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47 BLHS năm 1999. Khoản 3 Điều 7, điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 08/11/2017.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ các Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các tài sản gồm:

+ 01 cái kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC, màu xanh lá cây, kích thước (0,43x0,55x0,63)m của UBND xã E đã bị các bị cáo cạy phá hư hỏng không còn giá trị sử dụng và đại diện UBND xã từ chối nhận lại tài sản.

+ 01 sim điện thoại của bị cáo Trần Thế A (không rõ số thuê bao) dùng để liên lạc với bị cáo N.

+ 01 chiếc găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (16x5)cm; 01 mảnh găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (1,6x2,5)cm và 01 mảnh găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (5x3)cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-113, vỏ bọc màu đen, số IMEI 1: 356018085363325, số IMEI 2: 356018085363333 của bị cáo Trần Thế A.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 18/4/2018).

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước giá trị bằng tiền đối với các tài sản dùng vào việc phạm tội nhưng không thu giữ được theo kết quả định giá như sau:

+ Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn H giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, gắn biển số 47T1-147.40 là 42.134.000đ *(bốn mươi hai triệu, một trăm ba mươi tư nghìn đồng)*.

+ Truy thu của bị cáo Lê Tiến N số tiền 200.000đ *(hai trăm nghìn đồng)* là giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106.

- Đối với 01 cái túi xách màu nâu, 02 đôi găng tay y tế, 02 xà cạp, 01 chiếc điện thoại di động Nokia 106, màn hình trắng đen do Lê Tiến N sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở giải quyết.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A, Trần Văn Đ bồi thường cho UBND xã E số tiền trong kết sát bị mất là 209.661.000đ, giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS là 12.610.000đ; 01 kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC có giá trị là 300.000đ. Tổng cộng: 222.571.000đ. Trong đó: Bị cáo N 77.899.850đ, bị cáo H 66.771.300đ, bị cáo Thế A 44.514.200đ, bị cáo Đ 33.385.650đ.

- Buộc các bị cáo phải bồi thường cho bị hại ông Võ Tiến M giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL là 3.627.000đ, Trong đó: bị cáo N là 1.269.450đ, bị cáo H là 1.088.100đ, bị cáo Thế A là 725.400đ, bị cáo Đ là 544.050đ.

- Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H và người liên quan ông Vũ Văn H4 bồi thường giá trị 01 kết sắt nhãn hiệu NGOC THI bị hư hỏng cho bị hại ông Phan Văn N2 và bà Dương Thị H5 là 1.092.000đ, chia phần mỗi người phải bồi thường 364.000đ.

Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường là:

- Bị cáo N: 79.533.300đ, được khấu trừ số tiền 5.000.000đ bà Trần Thị H1 là mẹ của bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số AA/2013/14927 ngày 10/7/2018, còn phải tiếp tục bồi thường 74.533.300đ *(bảy mươi tư triệu, năm trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm đồng)*.

- Bị cáo H: 68.223.400đ, được khấu trừ số tiền 3.000.000đ bà Đinh Thị Thúy H2 là vợ của bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo

biên lai số AA/2013/14928 ngày 10/7/2018, còn phải tiếp tục bồi thường 65.223.400đ (*sáu mươi lăm triệu, hai trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm đồng*).

- Bị cáo Thế A: 45.239.600đ, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ bà Đậu Thị Minh S là mẹ của bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra, còn phải tiếp tục bồi thường 35.239.600đ (*ba mươi lăm triệu, hai trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm đồng*).

- Bị cáo Đ: 33.929.700đ, được khấu trừ 3.000.000đ do bà Nguyễn Thị H3 là vợ của bị cáo đã nộp, còn phải tiếp tục bồi thường 30.929.700đ (*ba mươi triệu, chín trăm hai mươi chín nghìn, bảy trăm đồng*).

(Số tiền gia đình bị cáo Thế A và bị cáo Đ bồi thường trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/4/2018).

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị hại bà Dương Thị H5 và bà Trần Thị H1 (mẹ bị cáo N), bà Trần Thị Q (mẹ bị cáo H) về chi phí sửa chữa hàng rào lưới B40 và cửa sổ gỗ bị cạy phá số tiền 3.500.000đ, bà H5 không có ý kiến gì đồng thời bà Quế, bà Hiền không yêu cầu các bị cáo và Vũ Văn H4 phải trả lại nên HĐXX không xem xét.

Đối với bà Nguyễn Thị H3, bà Đậu Thị Minh S, bà Đinh Thị Thúy H2 và bà Trần Thị H1 không yêu cầu các bị cáo H, N, Đ, Thế A phải hoàn lại số tiền đã bồi thường thay nên không đề cập giải quyết.

- Đối với các tài sản gồm 01 ô cửa thông gió khung bằng gỗ, kích thước (0,4 x 0,4)m, bị cạy phá bung bản lề bằng kim loại; 01 ô cửa thông gió khung bằng nhôm, kích thước (2 x 1,5)m bị cạy phá làm 02 thanh kim loại chống cửa bị đứt rời; 01 khung cửa sổ bằng gỗ, kích thước (0,49 x 1,43)m bị cạy phá các song sắt cửa sổ, 01 cửa chính bằng gỗ, kích thước (1,2 x 2,5)m bị cạy phá nút, bệ gỗ kích thước (0,17 x 0,06)m đã bị các bị cáo cạy làm hư hỏng có giá trị thiệt hại là 495.000đ. Do giá trị không đáng kể và hiện tại UBND xã E đã sửa chữa, tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường chi phí này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Những người liên quan gồm ông Võ Tiến M, ông Nguyễn Hữu H6, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thế T3, ông Trần Tấn C, bà Đinh Thị H7, ông Nguyễn Đình H8, ông Nguyễn Thuận N3, ông Hồ Văn T4, bà Nguyễn Thị M1 đã thực hiện việc đóng góp để khắc phục một phần thiệt hại do vụ trộm cắp tài sản gây ra tổng cộng 180.000.000đ và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS theo biên bản họp của UBND xã E vào ngày 19/6/2017; tại phiên tòa những người liên quan xác định tự nguyện đóng góp và UBND xã E sẽ tự giải quyết nội bộ sau khi các bị cáo bồi thường, không yêu cầu xem xét nên HĐXX không đề cập giải quyết.

*** Về các vấn đề khác:**

- Tách yêu cầu xử lý và bồi thường của bị hại ông Phan Văn N2 bà Dương Thị H5 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Tiến N và người liên quan Vũ Văn H4 về hành vi trộm cắp tài sản gồm số tiền mặt 30.000.000đ và 03 cái lắc tay bằng vàng loại 9999 với tổng trọng lượng là 09 chỉ vàng để tiếp tục xác minh, làm rõ cùng với các vật chứng là 01 cái kết sắt nhãn hiệu NGOC THI, kích thước (1x0,58x0,45)m và 01 bao xác rắn màu xanh, 01 cái xà cạp (bằng kim loại màu đen, dài 87cm, đường kính 2,5cm một đầu dẹt, đầu còn lại được uốn cong tạo thành móc chữ V, thân hình xoắn).

- Tách vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ trắng, gắn biển số 47B1-407.79 của Nguyễn Văn H và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 029598, mang tên Vàng N thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo H (không liên quan đến hành vi phạm tội bị xét xử) để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định.

*** Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A, Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Buộc bị cáo N phải chịu 3.726.665đ, bị cáo H phải chịu 3.261.170đ, bị cáo Thế A phải chịu 1.761.980đ, bị cáo Đ phải chịu 1.546.485đ và người liên quan ông Vũ Văn H4 phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/7/2018, bị cáo Trần Thế A có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS năm 1999 là không đúng người, không đúng tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo đã khai nhận bị cáo và đồng bọn chỉ trộm số tiền 154.000.000đồng và 02 máy tính xách tay. UBND xã E khai báo số tiền mất là 209.661.000đ là không đúng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trần Thế A về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS năm 1999 là có căn cứ pháp lý, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và người bị hại. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Trần Thế A tại phiên tòa phúc thẩm là cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Vào khoảng 23 giờ 30 phút, ngày 08/5/2017, bị cáo Trần Thế A và đồng bọn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại Ủy ban nhân dân xã E. Tuy nhiên, bị cáo chỉ thừa nhận số tiền mình cùng đồng bọn lấy trộm là 154.000.000đồng và 02 cái máy tính xách tay.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xác định giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp tại Ủy ban nhân dân xã E:

Theo lời khai của bị cáo Trần Thế A, bị cáo chỉ thừa nhận số tiền mình cùng đồng bọn lấy trộm là 154.000.000đồng và 02 cái máy tính xách tay. Tuy nhiên, trong các giai đoạn tố tụng, lời khai của bị cáo A và các bị cáo khác đều không thống nhất với nhau về số tiền trộm cắp. Các bị cáo cũng không có chứng cứ chứng minh, không kiểm đếm số lượng sau khi chiếm đoạt mà chỉ tổng hợp thông qua số tiền mỗi bị cáo thông báo vào ngày hôm sau. Mặt khác, qua lời khai của bà Lê Thị L (Là thủ quỹ UBND xã E) thì số tiền UBND xã E bị lấy trộm trong đêm ngày 08/5/2017 là 210.117.000đ. Ông Nguyễn Tiến M đình chính UBND xã E bị mất số tiền 209.661.000đ và 02 cái máy tính xách tay. Như vậy, lời khai của thủ quỹ UBND xã E và Chủ tịch UBND xã E về số tiền bị mất trộm là chưa thống nhất. Do vậy, việc tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bị hại để xác định thiệt hại là không chính xác.

Căn cứ tài liệu là Sổ quỹ tiền mặt do UBND xã E cung cấp, thì vào ngày 04/5/2017 UBND xã E còn tiền mặt là 198.827.300 đồng. Ngày 08/5/2017, UBND xã E rút phụ cấp cán bộ không chuyên tại ngân hàng về số tiền 255.969.431 đồng (có hóa đơn rút tiền mặt của Ngân hàng). Nên ngày 08/5/2017, UBND xã E có số tiền mặt là 454.796.731 đồng. Trong ngày 08/5/2017, UBND xã E đã chi 03 khoản tiền đó là: Chi thanh toán công tác phí 1.250.000đồng; chi phụ cấp cán bộ không chuyên trách 254.719.431đồng; chi tiền hoa lợi cộng sản 20.000.000đồng. Như vậy, số tiền UBND xã E còn lại sau khi chi trong ngày 08/5/2017 còn lại là **178.827.300đồng** (Bút lục 311).

Theo bản sơ kết điều tra (BL 15), theo lời khai của bị cáo Lê Tiến N (Bút lục 447, 449, 459, 463, 486), lời khai của bị cáo Nguyễn Văn H (Bút lục 494) thì ngày 08/5/2017 các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A trộm cắp tài sản tại UBND xã E, số tiền trộm cắp được là 171.000.000đ, chia đều cho ba bị cáo, mỗi người nhận được số tiền 57.000.000đ gần tương đương với số tiền ghi trong sổ quỹ tiền mặt của UBND xã E còn lại trong ngày 08/5/2017 là 178.827.300đ.

Do đó có cơ sở xác định số tiền các bị cáo trộm cắp tại Ủy ban nhân dân xã E ngày 08/5/2017 là 178.827.300đ và 02 chiếc máy tính xách tay theo biên bản định giá tài sản có giá trị 16.237.000đ (01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL có giá trị là 3.627.000đ; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS có giá trị là 12.610.000đ). Tổng giá trị tài sản các bị cáo trộm cắp là **195.064.300đ**.

[2.2] Tòa án cấp sơ thẩm xác định số tiền các bị cáo chiếm đoạt là 222.571.000 đồng và xét xử các bị cáo Trần Thế A, Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Văn Đ về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 là không đúng mà chỉ thuộc trường hợp được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

[2.3] Xét mức hình phạt 07 (bảy) năm tù mà tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét nhân thân đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo bị xét xử theo khoản 2 Điều 138 BLHS năm 1999 nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đối với các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H và bị cáo Trần Văn Đ: Các bị cáo đều không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị. Khi quyết định mức hình phạt cho các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, và đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như xem xét nhân thân đối với từng bị cáo. Tuy nhiên do xét xử các bị cáo theo khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo để phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, do vậy cần sửa phần quyết định của bản án về phần trách nhiệm dân sự cho phù hợp:

[4.1] Buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường cho UBND xã E số tiền 191.737.300đ (Trong đó: Tiền mặt bị mất là 178.827.300 đồng, giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS là 12.610.000đ; 01 kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC có giá trị là 300.000đ); bồi thường cho ông Võ Tiến M giá trị 01 máy

tính nhãn hiệu DELL là 3.627.000đ. Tổng số tiền buộc các bị cáo có trách nhiệm liên đới bồi thường là: 195.364.300đồng.

[4.2] Xác định mức bồi thường đối với từng bị cáo: Bị cáo N và bị cáo H có vai trò ngang nhau và được chia số tiền như nhau nên mức bồi thường như nhau, bị cáo Thế A có vai trò thấp hơn nên mức bồi thường thấp hơn, số tiền được chia cũng thấp hơn hai bị cáo H và N nên mức bồi thường của bị cáo thấp hơn. Bị cáo Đ không được các bị cáo khác chia tiền nhưng cấp sơ thẩm buộc bị cáo Đ chịu trách nhiệm bồi thường là 15% là không đảm bảo tính khách quan và ảnh hưởng đến quyền lợi của bị cáo Đ. Do đó, HĐXX phúc thẩm phân chia trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bồi thường đối với các bị cáo như sau:

+ Bị cáo N, có nghĩa vụ bồi thường 35% trong tổng giá trị tài sản. Do vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã E là 67.108.055 đồng, bồi thường cho ông Võ Tiến M là 1.269.450 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền: 68.377.505 đồng.

+ Bị cáo H phải bồi thường 35% trong tổng giá trị tài sản. Do vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã E là 67.108.055 đồng, bồi thường cho ông Võ Tiến M là 1.269.450 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền: 68.377.505 đồng.

+ Bị cáo Thế A phải bồi thường 25% trong tổng giá trị tài sản. Do vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã E là 47.934.325 đồng, bồi thường cho ông Võ Tiến M là 906.750 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền: 48.841.075 đồng.

+ Bị cáo Đ phải bồi thường 5% trong tổng giá trị tài sản. Do vậy, số tiền bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã E là 9.586.865 đồng, bồi thường cho ông Võ Tiến M là 181.350 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường số tiền: 9.768.215. đồng.

[5] Về xử lý vật chứng:

[5.1] Trong quá trình phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn H sử dụng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, gắn biển số 47T1-147.4001 để đi trộm cắp tài sản tại UBND xã E, Lê Tiến N sử dụng chiếc điện thoại di động Nokia 106 màn hình trắng đen để liên lạc thực hiện hành vi trộm cắp tại UBND xã E. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra Công an huyện Cư Kuin đã truy tìm nhưng không thu giữ được chiếc điện thoại di động Nokia 106 màn hình trắng đen của bị cáo Lê Tiến N. Còn đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter của H biển số 47T1-147.40 do quá trình sử dụng bị cáo Hùng đã bán cho người khác nên không thu giữ được. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên “Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn H giá trị 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, gắn biển số 47T1-147.40 là 42.134.000đ và Truy thu của bị cáo Lê Tiến N số tiền 200.000đ là giá trị của 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu

Nokia 106” là không chính xác. Bởi lẽ, đây là các công cụ, phương tiện mà bị cáo Ngọc, bị cáo Hùng sử dụng phạm tội nhưng cơ quan điều tra không thu giữ được các tài sản trên. Việc tòa án cấp sơ thẩm tuyên truy thu là không đúng.

[5.2] Đối với việc các bị cáo N và H khai nhận đã cùng Vũ Văn H4 lén lút, đột nhập vào nhà bà Dương Thị H5 vào ngày 13/10/2017 để trộm cắp tài sản. Tuy nhiên qua điều tra xác minh và tranh tụng tại phiên tòa không có đủ cơ sở kết luận N, H và H4 đã lấy trộm các tài sản. Tòa án cấp sơ thẩm đã tách vụ án ra để tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ cùng với các vật chứng là 01 kết sắt nhãn hiệu NGOC THI, 01 bao xác rắn và 01 xà cạp (xà beng), khi nào làm rõ sẽ xử lý sau. Do đó về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự và về án phí dân sự sơ thẩm cũng sẽ xử lý sau. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên về trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự cho bị hại ông Phan Văn N2 và bà Dương Thị H5, về án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo N, bị cáo H và người liên quan ông Vũ Văn H4 là không phù hợp.

[5.3] Đối với số tiền 4.500.000 đồng do bị cáo N bán hai máy tính cho một người không rõ nhân thân lai lịch ở tỉnh Bình Dương, đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nhưng cấp sơ thẩm không truy thu đối với khoản tiền tiền trên là thiếu sót.

[6] Về án phí:

[6.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[6.2] Án phí dân sự sơ thẩm: Do xác định lại trách nhiệm dân sự nên cần sửa phần án phí cho phù hợp: các bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo mức tính: Bị cáo N: $(68.377.505 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.168.875 \text{ đồng}$; Bị cáo H: $(68.377.505 \text{ đồng} - 3.000.000 \text{ đồng}) \times 5\% = 3.268.875 \text{ đồng}$; Bị cáo A: $(48.841.075 \text{ đ} - 10.000.000 \text{ đ}) \times 5\% = 1.942.054 \text{ đồng}$; Bị cáo Đ: $(9.768.215 \text{ đ} - 3.000.000 \text{ đ}) \times 5\% = 338.411 \text{ đồng}$;

[6.3] Án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Trần Thế A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 345; điểm b khoản 1 Điều 355; điểm b khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thế A – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 15/2018/HS-ST ngày 13/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Lê Tiến N** 07 (bảy) năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng Điều 56 BLHS năm 2015 tổng hợp hình phạt 03 năm 03 tháng tù về các tội “Bắt người trái pháp luật” và “Đánh bạc” tại các bản án số: 27/2018/HS-ST và 28/2018/HS-ST cùng ngày 31/5/2018 của Tòa án nhân dân Đắk Song, tỉnh Đắk Nông (Theo Quyết định tổng hợp hình phạt của nhiều bản án số: 01/2018/QĐ-THHP ngày 06/7/2018). Buộc bị cáo chấp hành chung là **10 (mười) năm 03 (ba) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 07/11/2017 và được khấu trừ thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/6/2016 đến ngày 08/7/2016.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H** 07 (bảy) năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 08/11/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999.

Xử phạt bị cáo **Trần Thế A** 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 08/11/2017.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999. Khoản 3 Điều 7, điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo **Trần Văn Đ** 02 (hai) năm tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam, ngày 08/11/2017.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ các Điều 41, 42 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy các tài sản gồm:

+ 01 cái kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC, màu xanh lá cây, kích thước (0,43x0,55x0,63)m của UBND xã E đã bị các bị cáo cạy phá hư hỏng không còn giá trị sử dụng và đại diện UBND xã từ chối nhận lại tài sản.

+ 01 sim điện thoại của bị cáo Trần Thế A (không rõ số thuê bao) dùng để liên lạc với bị cáo N.

+ 01 chiếc găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (16x5)cm; 01 mảnh găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (1,6x2,5)cm và 01 mảnh găng tay cao su, màu trắng sữa, kích thước (5x3)cm.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia model RM-113, vỏ bọc màu đen, số IMEI 1: 356018085363325, số IMEI 2: 356018085363333 của bị cáo Trần Thế A.

(Các vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận giữa Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin với Chi cục Thi hành án dân sự huyện C ngày 18/4/2018).

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh bạc, gắn biển số 47T1-147.4001 của Nguyễn Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 106 của Lê Tiến N; cái túi xách màu nâu, 02 đôi găng tay y tế, 02 xà cày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã truy tìm nhưng không thu giữ được nên HĐXX không có cơ sở giải quyết.

- Truy thu số tiền 4.500.000 đồng của bị cáo Lê Tiến N do phạm tội mà có để nộp ngân sách Nhà nước.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ vào Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A và Trần Văn Đ phải liên đới bồi thường cho UBND xã E số tiền trong kết sắt bị mất là 178.827.000đồng, giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS là 12.610.000đ; 01 kết sắt nhãn hiệu TRẦN PHÚC có giá trị là 300.000đ. Tổng cộng: 191.737.000đ. Trong đó: Bị cáo N 67.108.055 đồng, bị cáo H 67.108.055 đồng, bị cáo Thế A 47.934.325 đồng, bị cáo Đ 9.586.865đồng.

- Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A và Trần Văn Đ phải liên đới bồi thường cho bị hại ông Võ Tiến M giá trị 01 máy tính xách tay nhãn hiệu DELL là 3.627.000đ. Trong đó: Bị cáo N phải bồi thường 1.269.450đồng; Bị cáo H phải bồi thường 1.269.450đồng; Bị cáo A phải bồi thường 906.750đồng; bị cáo Đ phải bồi thường 181.350đồng.

Tổng số tiền các bị cáo phải bồi thường là:

- Bị cáo N: 68.377.505 đồng, được khấu trừ số tiền 5.000.000đ bà Trần Thị H1 là mẹ của bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số AA/2013/14927 ngày 10/7/2018, còn phải tiếp tục bồi thường 63.377.505 đồng. (*Sáu mươi ba triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm lẻ năm đồng*).

- Bị cáo H: 68.377.505 đồng, được khấu trừ số tiền 3.000.000đ bà Đinh Thị Thúy H2 là vợ của bị cáo đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số AA/2013/14928 ngày 10/7/2018, còn phải tiếp tục bồi thường

65.377.505 đồng. (Sáu mươi lăm triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm lẻ năm đồng).

- Bị cáo Thế A: 48.841.075 đồng, được khấu trừ số tiền 10.000.000đ bà Đậu Thị Minh S là mẹ của bị cáo đã nộp cho cơ quan điều tra, còn phải tiếp tục bồi thường 38.814.075đ (Ba mươi tám triệu, tám trăm mười bốn ngàn không trăm bảy mươi lăm đồng).

- Bị cáo Đ: 9.768.215đ, được khấu trừ 3.000.000đ do bà Nguyễn Thị H3 là vợ của bị cáo đã nộp, còn phải tiếp tục bồi thường 6.768.215đ (Sáu triệu, bảy trăm sáu mươi tám ngàn hai trăm mười lăm đồng).

(Số tiền gia đình bị cáo Thế A và bị cáo Đ bồi thường trên hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/4/2018).

Áp dụng quy định tại Điều 357 BLDS 2015 để tính lãi suất trong quá trình thi hành án.

Đối với bà Nguyễn Thị H3, bà Đậu Thị Minh S, bà Đinh Thị Thúy H2 và bà Trần Thị H1 không yêu cầu các bị cáo H, N, Đ, Thế A phải hoàn lại số tiền đã bồi thường thay nên không đề cập giải quyết.

- Đối với các tài sản gồm 01 ô cửa thông gió khung bằng gỗ, kích thước (0,4 x 0,4)m, bị cạy phá bung bản lề bằng kim loại; 01 ô cửa thông gió khung bằng nhôm, kích thước (2 x 1,5)m bị cạy phá làm 02 thanh kim loại chống cửa bị đứt rời; 01 khung cửa sổ bằng gỗ, kích thước (0,49 x 1,43)m bị cạy phá các song sắt cửa sổ, 01 cửa chính bằng gỗ, kích thước (1,2 x 2,5)m bị cạy phá nứt, bể gỗ kích thước (0,17 x 0,06)m đã bị các bị cáo cạy làm hư hỏng có giá trị thiệt hại là 495.000đ. Do giá trị không đáng kể và hiện tại UBND xã E đã sửa chữa, tại phiên tòa không yêu cầu bồi thường chi phí này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Những người liên quan gồm ông Võ Tiến M, ông Nguyễn Hữu H6, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Thế T3, ông Trần Tấn C, bà Đinh Thị H7, ông Nguyễn Đình H8, ông Nguyễn Thuận N3, ông Hồ Văn T4, bà Nguyễn Thị M1 đã thực hiện việc đóng góp để khắc phục một phần thiệt hại do vụ trộm cắp tài sản gây ra tổng cộng 180.000.000đ và 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS theo biên bản họp của UBND xã E vào ngày 19/6/2017; tại phiên tòa những người liên quan xác định tự nguyện đóng góp và UBND xã E sẽ tự giải quyết nội bộ sau khi các bị cáo bồi thường, không yêu cầu xem xét nên HĐXX không đề cập giải quyết.

*** Về các vấn đề khác:**

- Tách yêu cầu xử lý và bồi thường của bị hại ông Phan Văn N2 bà Dương Thị H5 đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Lê Tiến N và người liên quan Vũ Văn H4 về hành vi trộm cắp tài sản gồm số tiền mặt 30.000.000đ và 03 cái lắc tay

bằng vàng loại 9999 với tổng trọng lượng là 09 chỉ vàng để tiếp tục xác minh, làm rõ cùng với các vật chứng là 01 cái kết sắt nhẵn hiệu NGOC THI, kích thước (1x0,58x0,45)m và 01 bao xác rắn màu xanh, 01 cái xà cạy (bằng kim loại màu đen, dài 87cm, đường kính 2,5cm một đầu dẹt, đầu còn lại được uốn cong tạo thành móc chữ V, thân hình xoắn).

- Tách vật chứng là 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn đỏ trắng, gắn biển số 47B1-407.79 của Nguyễn Văn H và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô xe máy số 029598, mang tên Vàng Ngọc thu giữ trong quá trình khám xét nơi ở của bị cáo H (không liên quan đến hành vi phạm tội bị xét xử) để tiếp tục điều tra làm rõ, xử lý sau theo quy định.

*** Về án phí:** Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Lê Tiến N, Nguyễn Văn H, Trần Thế A và Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo N phải chịu 3.168.000 đồng, bị cáo H phải chịu 3.268.000 đồng, bị cáo Thế A phải chịu 1.942.000đồng, bị cáo Đ phải chịu 338.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Trần Thế A không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02 bản);
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư Kuin;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện Cư Kuin;
- Chi cục THADS huyện C;
- Những người TGT;
- Các bị cáo;
-
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Bằng

